

Chương IX

QUYẾT SÁCH NĂNG ĐỘNG

NẾU LẤY MỐC THỜI GIAN 1679 ĐẾN NĂM KỶ SỬU 2009 thì Nông Nại Đại Phố ít nhất có lịch sử 330 năm. Ba thế kỷ cộng với 30 năm là con số đáng nhớ để không những các hậu duệ của Trần Thượng Xuyên – mà cả hậu duệ của các lưu dân người Việt đi mở cõi thuở trước, nay cũng tự hào.

Khi chúng ta càng tự hào về Nông Nại Đại Phố, thì không thể không tự hào về Trần Thượng Xuyên và đặc biệt là các bậc tiền hiền mở cõi, bởi chúng ta đều sống trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, cùng thống nhất trong một nền văn hoá Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc. Tất nhiên, thực tế có sự đa dạng về văn hoá nhưng đều nằm trong một chỉnh thể thống nhất của văn hoá Việt Nam.

Chúng ta tự hào, bởi trong chừng ấy thời gian, cha ông ta trong từng thời gian cụ thể, hoàn cảnh cụ thể đã cảm nhận được cái mới để kịp thời đưa ra

những quyết đoán táo bạo về chính trị, quyết sách năng động về kinh tế – xã hội, làm cho vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai ngày càng thăng hoa trên đường phát triển.

**

Trong đoàn dân binh “thất quốc sang bang” của Trần Thượng Xuyên đến xứ Bàn Lân cách đây 330 năm không chỉ có quan binh, mà còn có các quan lại phong kiến, và cả thương nhân của triều đình nhà Minh. Cho nên khi quyết định tìm nơi tị nạn, ắt hẳn họ đã gom góp mang theo ít nhiều vốn liếng – chắc bằng ngân lượng để tính kế làm ăn nơi vùng đất mới. Khi đến xứ Bàn Lân, thấy cảnh đất rộng người thưa, sản vật dồi dào, thế đất, bến sông thuận lợi, lại vốn có kinh nghiệm buôn bán, do đó họ quyết định bỏ vốn xây dựng thương cảng. Việc làm này há không phải là sự quyết đoán táo bạo hay sao?

Nếu không có máu kinh doanh, không có kinh nghiệm, vốn liếng và ít nhiều có cả mối quan hệ với thương nhân ở cố quốc, chắc gì họ dám xuất vốn xây dựng thương cảng quốc tế – xét theo tầm nhìn thời bấy giờ. Nếu không máu kinh doanh và không có những “lá gan mào hiểm” của sự năng động quyết

đoán thì sẽ không dám bỏ vốn đầu tư xây thương cảng quốc tế như Nông Nại Đại Phố. Bởi những gì mà Trịnh Hoài Đức mô tả trong *Gia Định thành thông chí* về cảng Nông Nại thì vốn đầu tư chắc không phải nhỏ và chưa biết đến khi nào có điều kiện thu hồi vốn. Do đó, phải nói rằng, việc làm ấy của Trần Thượng Xuyên là táo bạo trên cơ sở tầm nhìn xa, quyết tâm lớn và lòng mong muốn ở lại dài lâu trên quê hương mới Đồng Nai, như một công dân Đại Việt. Quyết tâm này được đưa ra trên cơ sở thực tiễn là vùng này đã có người Việt đến khai phá, làm ăn, đã có nông sản hàng hoá tạo cơ sở cho việc mở thương cảng bán buôn. Yếu tố này rất quan trọng nhưng không quan trọng bằng cư dân người Việt ở vùng đất mới này sống rất hoà hiếu, cởi mở, chân thành, trọng nghĩa – mà bây giờ chúng ta gọi bằng cụm từ “môi trường đầu tư thông thoáng”, “điểm đến thân thiện”. Đây là cơ sở đặc biệt quan trọng đối với quyết định để Trần Thượng Xuyên lập thương cảng Đại Phố.

Còn đối với những lưu dân người Việt đến vùng phương Nam từ cuối thế kỷ XV cũng là những quyết định còn táo bạo hơn, nếu không nói là rất táo bạo của những người có “lá gan lớn”. Để đến được vùng đất phương Nam ở Đồng Nai, Bến Nghé, Cửu Long,

những lưu dân người Việt phải đi qua chặng đường dài cả ngàn cây số, vượt qua núi cao, vực thẳm, rừng rậm với biết bao sương lam, chướng khí đối mặt với biết bao bệnh tật, thú dữ rình rập. Những người Việt khác đi bằng thuyền buồm men theo bờ biển vào Nam cũng phải đối mặt với sóng to, gió lớn, bão tố cực kỳ nguy hiểm. Dù đi bằng đường bộ hay đường biển thì để đến được vùng đất mới, biết bao người thân của họ phải bỏ mạng trên con đường tìm sự sống. Vì sự sống mà phải bỏ quê hương bản quán, chấp nhận mất mạng trên đường mưu sinh là những quyết định không dễ dàng đối với mỗi người.

Cũng như Chúa Nguyễn với tầm nhìn xa trông rộng trong việc mở rộng không gian Đại Việt và trước mắt là để giữ yên vùng biên cảnh mà phải bấp bưng gả công nữ Ngọc Vạn về làm dâu xứ Chân Lạp, cũng là một quyết định chính trị có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Vì thông qua vị công nữ xinh đẹp, hiền thực đi làm dâu xứ người, Chúa Nguyễn trong tình cảm thông gia với vương triều Chân Lạp mới xin đặt trạm thu thuế Quán Thảo để thu thuế đối với người Việt đến sinh sống làm ăn ở vùng đất mới. Nếu không có công nữ Ngọc Vạn xuôi thuyền làm dâu Chân Lạp thì sẽ không có đồn thu thuế Quán Thảo – một cơ sở hành chính – tiền đề

cho cơ sở chính trị sau này. Đây là một quyết sách mang tầm chiến lược.

*

**

Năm 1698, tức 75 năm sau, kể từ khi công nữ Ngọc Vạn xuất giá theo chồng và 19 năm sau khi Trần Thượng Xuyên xây cảng Nông Nại Đại Phố, Chúa Nguyễn mới sai Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam ban bố sắc lệnh hành chính, định côi quốc gia trên vùng đất phương Nam.

Đây là một quyết sách sáng suốt ở tầm thông tuệ – mà bây giờ với độ lùi của lịch sử, chúng ta có thể xem như một tế cáo với tổ tiên Đại Việt và là một tuyên cáo với thế giới rằng: cương thổ quốc gia Đại Việt đã được xây dựng một cách hoà bình, được định danh bằng các từ: “Dựng định Phiên Trấn, lập huyện Tân Bình, lập dinh Trấn Biên, lập phủ Phước Long”.

Lời tế cáo cũng là tuyên cáo ấy là cơ sở pháp lý, mà nói theo giáo sư Trần Văn Giàu, đó là “tấm giấy thế vì khai sinh” cho một vùng đất mới vốn còn rất hoang vu. Sở dĩ gọi là “thế vì khai sinh” là trước đó, người Việt đã đến vùng đất phương Nam “khai cơ lập nghiệp”, dựng ấp lập làng, quần cư sinh sống như những chủ nhân của vùng đất mới. Trong

đó nổi trội là thương cảng Nông Nại Đại Phố sầm uất và cơ sở hành chính ban đầu là đồn thu thuế Quản Thảo đã có từ cách đó khá lâu. Cho nên qua lời tuyên cáo của Nguyễn Hữu Cảnh được gọi là “tấm giấy thế vì khai sinh” cho vùng đất mới. Vì ở vùng đất phương Nam, cư dân đến sống đã lâu rồi, nay mới được công nhận về mặt hành chính và sự công nhận này là tấm giấy khai sinh trước cộng đồng quốc gia dân tộc và thế giới.

Từ tấm giấy khai sinh ban đầu này, các Chúa Nguyễn và các triều vua nhà Nguyễn tiếp tục ban hành các văn bản về hệ thống hành chính quốc gia thông suốt từ kinh đô Phú Xuân đến miền Đồng Nai – Gia Định – Cửu Long, tạo ra một chỉnh thể quốc gia thống nhất từ Lạng Sơn cho đến Cà Mau.

*
**

Khi người Pháp nổ súng tấn công chiếm thành Biên Hoà vào năm 1861, người Biên Hoà – Đồng Nai đứng trước một sự thử thách mới, khó khăn gấp bội lần cuộc chiến đấu với thiên nhiên, thú dữ. Bởi quân xâm lăng là người đến từ phương Tây với dã tâm xâm lược bằng tàu sắt, súng đồng; còn người dân Biên Hoà – Đồng Nai chỉ có thanh gươm, cái rựa, cây sào. Nhưng để bảo vệ đất đai của Tổ quốc

mà cha ông đã dấy công khai phá, người Đồng Nai đã nhất tề đứng dậy trong tư thế của người chủ của quê hương, phải giữ đất, giữ nước. Vì biết rằng nước đã mất thì nhà cũng tan, sinh mạng cũng không còn hoặc sẽ làm thân nô lệ, nên dù *Bến Nghé của tiền tan bọt nước* – Đồng Nai tranh ngôi nhuộm màu mây thì cũng phải quyết chí đánh giặc cứu nước, cứu nhà, giữ lấy từng tấc đất thiêng liêng mà tiền hiền dày công khai khẩn, hậu hiền vất vả khai tâm.

Cho nên mặc dù triều đình Tự Đức yếu hèn ký hoà ước dâng ba tỉnh miền Đông cho giặc Pháp và không cho quân triều đình động binh chống giặc, nhưng nhân dân Đồng Nai – Bến Nghé – Cửu Long vẫn bày tỏ sự bất trung. Vì trung với vua thì sẽ mất nước, mất cái hồn dân tộc – mà trung như vậy là kiểu ngu trung đốn hèn. Thế là những “người dân lân, dân ấp quen ruộng cước cày” đã biến lòng yêu nước sôi sục trong tim thành sức mạnh của lòng kiêu hãnh làm người nghĩa sĩ đứng lên chống giặc ngoại xâm. Khi Trương Định còn đang suy nghĩ lưỡng lự giữa “trung quân và ái quốc”, thì những người “dân lân, dân ấp” ấy, vốn không ấn triện của triều đình, đã thay mặt hồn thiêng sông núi phương Nam phong cho người vốn xuất thân từ dân chài

làm “Bình Tây đại nguyên soái”. Trong lịch sử thế giới từ cổ chí kim, chưa thấy có trường hợp “phong hàm nguyên soái” bằng một “quyết định miệng” nhất hô bá ứng của lòng người như nhân dân ở xứ phương Nam vừa mở cõi này đã làm. Quyết định phong nguyên soái cho Trương Định để giương cao ngọn cờ đại nghĩa chống Tây là một quyết định sáng suốt, hợp với lòng trời, lòng người. Hẳn rằng, khi đưa ra quyết định kỳ lạ này, người dân Đồng Nai và lục tỉnh Nam Kỳ chỉ nghĩ đến cái nghĩa của đồng bào, cái ơn của Tổ quốc, chứ không nghĩ đến cây bưởi trước nhà, đường cày ngoài ruộng. Cái quyết định động trời ấy, đã làm chấn động triều đình trong cơn bối rối, làm cho giặc Pháp cũng phải chùn bước chân xâm lược.

Nếu gạt chữ trung quân sang một bên, thì việc chống lại triều đình như Lê Văn Khôi chiếm thành Gia Định trước kia, thì Khôi cũng chỉ uất ức vì chuyện tình riêng và chỉ khu biệt trong một nhóm người hàm ơn đức tử quân Lê Văn Duyệt. Còn quyết định phong nguyên soái cho Trương Định là của đại đa số nhân dân lục tỉnh – Đồng Nai, vốn đã từng cam chịu thân phận “ngựa tể Đồng Nai” cho “rồng châu ngoài Huế”. Họ bất trung vì triều đình bất nghĩa, không dám bảo vệ “dân đen giữa hồi lửa đỏ”.

Vì thế những người dân đen làm thân “ngựa tề” ở xứ Đồng Nai đã từng thuộc nằm lòng câu “quân xử thân tử, thân bất tử bất trung”, nhưng nay, họ quyết định dứt bỏ chiếu lệnh dĩ hoà, sẵn sàng làm những kẻ bất trung với nhà vua ở kinh đô Phú Xuân. Nên nhớ rằng, trong số những kẻ bất trung ấy, có các tầng lớp sĩ phu, các bậc túc nho mà Nguyễn Đình Chiểu là người tiêu biểu. Những người này, vốn rất coi trọng câu: “Đạo lập cương phải giữ lấy cương thường”, nhưng trước vận nước trong hồi nghiêng ngả, nên họ đã ý thức được vai trò “thất phu hữu trách” “trong văn miếu ra tài lương đồng – chốn sa trường rạch mũi can thương”.

Đó là những quyết định không dễ dàng gì, nếu họ không có những suy tư đầy trách nhiệm về tự tình dân tộc, về an nguy của Tổ quốc trước cảnh sơn hà nguy biến.

**

Trong tiến trình phát triển kinh tế của xứ Đồng Nai từ thời các bậc tiền hiền chúng ta đi mở cõi phương Nam, đem mồ hôi nước mắt và cả xương trắng máu đào để mở rộng không gian Đại Việt đến thời Nguyễn Hữu Cảnh xác lập cương thổ quốc gia thì vùng đất xứ Đồng Nai vẫn lấy nông nghiệp làm

nghề nghiệp chính. Cũng có một số nghề thủ công có xuất xứ từ các làng nghề miền Bắc, miền Trung nhưng không nhiều, sản xuất hàng hoá chưa cao.

Các đình làng Nam Bộ, trong đó có Đồng Nai, hàng năm ngoài cúng thành hoàng bốn cảnh là vị thần bảo hộ cho sự bình yên của thôn làng, mà các vị thần này, có thể có danh và phần lớn không có danh. Trong các lễ cúng Kỳ yên của đình làng đều có lễ cúng thần Nông, là vị thần trông coi về nông nghiệp. Ngoài ra, trong dân gian mỗi năm 2 lần, đều tôn kính tế lễ “ông Đồng bà Điền”; cúng xuống đồng, lúc cấy lúa, rồi cúng lên đồng khi thu hoạch; người dân tộc thiểu số Châu Ro, Châu Mạ có lễ cúng thần Lúa... Trong các lễ hội Kỳ yên, lúc khấn niệm trong ngày lễ tết, hay lúc giỗ chạp, cúng gia tiên, khi khấn niệm nhân dân đều cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt... Những biểu hiện tâm linh theo tín ngưỡng dân gian ấy, chứng tỏ cư dân xứ Đồng Nai, vốn là nông dân gắn liền với sản xuất nông nghiệp ở những xóm làng được xây dựng ở ven sông, nhất là ở các ngã ba, ngã bảy là nơi giao nhau của các dòng sông, dòng kinh. Dù vậy, thời trước ông cha ta chưa có khái niệm tam nông như bây giờ và mặc dù họ lấy sản xuất nông nghiệp làm nghề nghiệp chính, nguồn sống chính, nhưng họ không

có thuật ngữ “nông nghiệp là mặt trận hàng đầu” hay cơ cấu kinh tế với tỷ trọng nông nghiệp chiếm bao nhiêu phần trăm như cách gọi của chúng ta hiện nay.

Kể cả lúc người Pháp cai trị, trong chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất, rồi đến lần khai thác thuộc địa thứ hai mạnh mẽ hơn, cách bóc lột tinh vi hơn nhưng chủ yếu họ vẫn khai thác các tiềm năng về nông nghiệp là chính. Cùng với cây lúa truyền thống, người Pháp đưa các loại cây công nghiệp ngắn ngày, như: đậu nành, thuốc lá, mía, bông vải... và các cây công nghiệp dài ngày như: cao su, cà phê, hồ tiêu vào trồng ở vùng Đồng Nai đầu tiên, làm cho cơ cấu cây trồng của nền nông nghiệp Đồng Nai, vốn là vùng đất bán sơn địa thêm đa dạng. Dù chủng loại cây trồng của nền nông nghiệp Đồng Nai ngày càng thêm nhiều loại cây trồng mới, một số cơ sở chế biến nông sản, lâm sản và các cơ sở làm hàng thủ công phát triển nhất định, nhưng cơ bản nền kinh tế ở xứ này vẫn là nông nghiệp. Một nền nông nghiệp đi từ tự cấp tự túc tiến lên mạnh nha các yếu tố sản xuất hàng hoá thông qua thương cảng Nông Nại Đại Phố. Sau đó, qua thương cảng Bến Nghé – Sài Gòn một trung tâm kinh tế đầu mối xuất khẩu quan trọng, đã tác động cho

MAI SÔNG BÉ

kinh tế hàng hoá ở Đồng Nai và khu vực liên tục phát triển. Con đường nông sản hàng hoá khá đa dạng của Đồng Nai cũng sớm hình thành qua việc sản xuất có tính tập trung một số cây trồng có giá trị xuất khẩu cao, như: cao su, cà phê, tiêu, điều, các mặt hàng sản xuất từ lâm thổ sản.

Con đường nông sản hàng hoá “chảy” từ các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung và phân tán qua các chủ kênh, chủ vựa và chân rết thu mua của họ đưa ra các bến cảng để xuất khẩu đã tác động làm cho kinh tế Đồng Nai phát triển nhanh, sớm học hỏi được kinh nghiệm kinh doanh của những thương nhân từng kinh qua những thương trường lớn trong khu vực Đông Nam Á và mở rộng thế giới sau này.

Tuy nhiên, về căn bản nền kinh tế của Đồng Nai đến năm 1975 vẫn là sản xuất nông nghiệp. Như vậy, đến thời điểm Biên Hoà – Đồng Nai liền một dải trong lòng nước Việt Nam thống nhất cộng thêm nguồn lực của phương Nam vào quốc lực của nước Việt Nam vừa giải phóng, thì: Tính từ lúc công nữ Ngọc Vạn về làm dâu Chân Lạp là 372 năm; từ khi Trần Thượng Xuyên vào xứ Đồng Nai mở cảng Đại Phố là 296 năm và từ lúc Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lược là 277 năm, xứ Đồng Nai vẫn

xem nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Con trâu, dù sau này là chiếc máy cày, được hình tượng là con trâu đỏ chỉ uống dầu và không ăn cỏ, thì nó vẫn là đầu cơ nghiệp của người Đồng Nai mà tuyệt đại đa số là nông dân.

Trong suốt thời gian dài gần 3 – 4 thế kỷ, kinh tế Đồng Nai chưa có sự đột phá mạnh vào việc tiến hành công nghiệp hoá. Kể cả khi xa lộ Biên Hoà và Khu kỹ nghệ Biên Hoà được thành lập, có thể là tiền đề cho sự đột phá thì có thể do hoàn cảnh chiến tranh nên ý tưởng của các nhà quản lý thời đó cũng chưa triển khai một cách trọn vẹn.

Một quyết sách có tính chiến lược để tạo bước ngoặt chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp được nhân dân chờ đợi đã lâu vẫn chưa xuất hiện. Giới trí thức được đào tạo trong hệ thống quản lý tư bản chủ nghĩa và sau này là đội ngũ trí thức được đào tạo trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, ngày càng sút ruột. Vì Việt Nam ở bên cạnh các nước như Singapore, Thái Lan, Hàn Quốc, Indonesia được gọi là nhóm các nước NIC đã tiến hành công nghiệp hoá, trở thành các con hổ, con rồng Châu Á. Trong khi các con rồng, con hổ Châu Á đang tung mây, chồm tới thì Việt Nam nói chung, Đồng Nai nói riêng, vẫn còn là một nước tiểu nông

với hình ảnh cơ bản là “con trâu đi trước, cái cày theo sau”.

Việt Nam đất nước của rồng bay – Đồng Nai vùng đất của “long, lân, quy, phụng”, vậy mà rồng vẫn còn ẩn mình dưới gốc các loại cây nông nghiệp, buộc người Đồng Nai phải trần trở suy nghĩ. Làm nông nghiệp, vậy mà những năm đầu sau giải phóng, người dân Đồng Nai phải chịu cảnh đói kém – do mất mùa và tình trạng ngăn sông cấm chợ – có lúc buộc ăn chuối xanh để cầm hơi. Tình trạng thiếu đói đến mức, trong một cuộc họp tại Biên Hoà Club, bà Lưu Thị Phương Mai lúc đó là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm đã khóc ròng khi nghe lãnh đạo tỉnh báo cáo, trong kho không còn gì, đành phân phối chuối xanh quy ra lương thực cho công nhân viên chức.

*

**

Đứng trước tình cảnh ở một nước nông nghiệp mà lại bị đói kém, còn bên ngoài các nước trong khu vực đang tăng tốc; không chỉ giới trí thức, người lao động – mà hơn ai hết những đảng viên cộng sản của Đảng bộ Đồng Nai với tư cách là tập thể lãnh đạo càng bức xúc hơn trước tình cảnh khốn khó của nhân dân và cũng là nỗi khốn khó của

chính gia đình mình. Trung ương Đảng – người lãnh đạo nhân dân Việt Nam đánh thắng thực dân Pháp, đế quốc Mỹ giành được độc lập tự do cho Tổ quốc, nhưng giờ đây đất nước trong thế bị bao vây, cấm vận; lại chịu cảnh “lụt Bắc, lụt Nam – máu dầm đìa biên giới”, nhân dân bị đói kém, nên Trung ương càng bức xúc trong việc tìm kế sách cho hướng đi của Việt Nam.

Các nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước lần lượt về cơ sở thực tế, nhất là những nơi có “vấn đề” về “xé rào bung ra”, về “tự cứu trước khi trời cứu”, kể cả những nơi “bị” gọi là sặc mùi “xét lại”, là “chống đường lối của Đảng”... để tìm hiểu tình hình. Rồi hội nghị Phước Long (dệt Phước Long ở Thành phố Hồ Chí Minh), hội nghị Đà Lạt với những tiếng nói tâm huyết, đầy bức xúc và hiệu quả của các hiện tượng “xé rào bung ra” hầm hập hơi nóng của thực tiễn được các đồng chí lãnh đạo lắng nghe. Thực tiễn nóng hổi của “đêm trước đổi mới” cũng giống như trong kháng chiến chống Mỹ trước khi có nghị quyết 15 về khởi nghĩa vũ trang, cũng như sau này là tư duy “dám đánh Mỹ và thắng Mỹ” phải “bám thắt lưng địch mà đánh”. Đúng như Gớt, đại văn hào người Đức đã nói “mọi lý luận là màu xám xịt, chỉ có cây đời mãi mãi xanh tươi”. Vì lý

luận có vai trò soi sáng dẫn dắt thực tiễn, cũng như “văn hoá soi đường quốc dân đi” nhưng lý luận chỉ là lý luận nếu không gắn với thực tiễn hành động, không được kiểm nghiệm từ thực tiễn.

Chính nhờ đó, chúng ta đã đi qua cái đêm có chiều thời gian khá dài được gọi là “đêm trước đổi mới” để đi đến “ngày đổi mới” với đại hội lần thứ VI của Đảng – đại hội của tinh thần đổi mới.

*
**

Trong bối cảnh ấy, Đồng Nai với thực tiễn trồng hay không trồng cà phê trên diện tích đất đỏ bazan được quy hoạch để trồng lúa rẫy ở Xuân Lộc hay việc khoán chui ở ấp Hưng Long xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất và nhất là thực tiễn “xé rào bung ra” mở rộng liên kết, liên doanh, kết hợp lợi ích kinh tế của ba thành phần: Nhà nước – doanh nghiệp – người lao động ở Khu công nghiệp Biên Hoà đã cho Đảng bộ Đồng Nai cơ sở thực tiễn sinh động để nâng thành tư duy lý luận, đưa ra “quyết sách trăm năm có một”.

Trong đại hội lần thứ IV của Đảng bộ Đồng Nai, diễn ra vào năm 1986, những người cộng sản xứ Đồng Nai, sau khi phân tích thảo luận đã đi đến quyết định chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng

“công – nông lâm nghiệp thương mại dịch vụ” thay cho cơ cấu kinh tế “Nông lâm – công nghiệp – thương mại – dịch vụ” đã được xác lập từ sau ngày giải phóng. Ở đây, không chỉ đơn thuần là việc sắp đặt từ ngữ, đảo lại thứ tự vị trí của con chữ một cách duy ý chí mà là sự tính toán khoa học trên cơ sở lý luận và thực tiễn về kinh tế xã hội của Đồng Nai lúc bấy giờ.

Quyết sách này có thể xem là “quyết sách trăm năm có một”. Gọi như vậy cũng không phải là quá lời hay cường điệu vai trò của những người cộng sản tiêu biểu của Đồng Nai dự đại hội IV vào năm 1986. Nên nhớ, lúc đó, Đồng Nai đang đứng giữa đói – no và cái đói đang còn trong không ít gia đình và cũng cái đói ấy đang lảng vảng trước cửa nhiều nhà, kể cả nhà của những đại biểu cộng sản dự đại hội hội ấy. Hơn nữa, suốt mấy trăm năm từ khi cha ông đi mở cõi, chưa bao giờ ở xứ Đồng Nai có “chuyện ngược đời” công nghiệp đặt trước nông nghiệp. Với quyết sách “ngược đời” – nói theo cách nói của một số người có tư duy còn xơ cứng, bởi hệ lụy của cơ chế bao cấp kéo dài – đã mở ra cho kinh tế Đồng Nai một thời kỳ tăng tốc bứt phá trên đường phát triển vì lương tâm trách nhiệm và cả lòng tự trọng. Lương tâm trách nhiệm ở đây là lương tâm trách

nhiệm của những người cộng sản đối với nhân dân tỉnh nhà, với cả nước theo tinh thần “cùng cả nước, vì cả nước”. Còn lòng tự trọng là bởi lúc bấy giờ, ngoài Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, chưa có địa phương cấp tỉnh nào dám đưa ra quyết sách đặt công nghiệp lên vị trí hàng đầu trong cơ cấu kinh tế như Đồng Nai, nên Đồng Nai một khi đã dám quyết thì “phải quyết và biết làm cho bằng được”.

Sau khi đưa ra quyết sách “trăm năm có một”, Đồng Nai tập trung chỉ đạo và triển khai các biện pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá. Nhờ đó trong vòng vài ba năm, ngành công nghiệp đã có bước khởi sắc phát triển thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cũng trong thời gian này, Đồng Nai âm thầm chuẩn bị cho những quyết định đột phá mới. Sau khi Luật đầu tư nước ngoài có hiệu lực thì trên cơ sở chuẩn bị lực lượng, cơ chế, năm 1990, tỉnh Đồng Nai đã quyết định thành lập công ty Sonadezi có mô hình hoạt động giống như Sonadezi (tức công ty khuếch trương công kỹ nghệ Biên Hoà đã từng hoạt động trong giai đoạn 1963–1975) để kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Trong bối cảnh chính phủ chưa cho

phép doanh nghiệp trong nước kinh doanh bất động sản, Đồng Nai đã “dám” cho Sonadezi thuê đất của Nhà nước để đầu tư hạ tầng, rồi cho doanh nghiệp nước ngoài thuê lại với giá cả phải có lời. Cách làm ấy, bây giờ được công nhận trong các văn bản của Nhà nước với tên gọi bằng thuật ngữ mới là kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Đây là một quyết định được xem là táo bạo vào thời điểm ấy, vì không khéo người ký quyết định là ông Huỳnh Văn Bình có thể bị kiểm điểm hoặc đi tù, vì dám chống chủ trương, chính sách.

Chính quyết định thành lập Sonadezi và cho Sonadezi thuê đất để kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp nên đến năm 1995, ngoài Khu công nghiệp Biên Hoà được gọi là Biên Hoà 1, Đồng Nai xây dựng thêm các Khu công nghiệp Biên Hoà 2, Amata, Lotexco, Gò Dầu, Nhơn Trạch, thu hút thêm nhiều ngành công nghiệp mới. Nhờ đó, trong giai đoạn 1991–1995, công nghiệp Đồng Nai có mức tăng trưởng ngoạn mục, đạt mức bình quân 37% mỗi năm.

Kết quả từ một quyết sách đúng quy luật của kinh tế thị trường đã tạo ra một sức bật tuyệt vời, tạo tiền đề để Đồng Nai đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá trên cơ sở “đồng hành cùng doanh

nghiệp” bằng các chủ trương cải cách thủ tục hành chính thông thoáng, quản lý thân thiện, thường xuyên lắng nghe tiếng nói từ các nhà doanh nghiệp. Những kết quả thu được từ việc triển khai sáng tạo những quyết sách táo bạo được đưa ra vào những thời điểm khó khăn về cơ chế, đã tạo cơ sở thực tiễn cho Đồng Nai tiến hành quy hoạch 36 khu công nghiệp với diện tích đất công nghiệp lên đến 12.000 hecta, trong đó có 29 khu công nghiệp đã được chính phủ phê duyệt.

Nhờ đó đến nay (2009) Đồng Nai đã thu hút được 1072 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn 14,6 tỷ đô la, trong số đó đã triển khai được gần 9 tỷ đô la, chiếm 60% tổng vốn đăng ký và trên 6.000 dự án đầu tư trong nước. Những dòng vốn này là nguồn lực quan trọng làm bật lên các tiềm năng, triển vọng và cơ hội đầu tư phát triển ở Đồng Nai.